

Số: 05 /YCBG-TTYT

Phú Yên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi:** Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Y tế Tuy Hòa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế của Trung tâm Y tế Tuy Hòa và trạm Y tế năm 2026 nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Tuy Hòa.

Địa chỉ: 273 Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Yên, Tỉnh Đắk Lắk.

2. Thông tin liên hệ của bộ phận chịu trách nhiệm nhận báo giá:

a. Người được giao tiếp nhận báo giá: Đoàn Thị Thanh Ngoan - Nhân viên Văn Thư - Phòng TCHC - Trung tâm Y tế Tuy Hòa.

b. Địa chỉ: 273 Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Yên, Tỉnh Đắk Lắk.

c. Email: *khoaduocytetuyhoa@gmail.com*.

d. Số điện thoại: 0905.992.106 - 0257. 3851050

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: 273 Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Yên, Tỉnh Đắk Lắk.

- Nhận qua email: *khoaduocytetuyhoa@gmail.com*.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

a. Từ 8 giờ 00 phút ngày 04 tháng 6 năm 2026 đến trước 8 giờ 00 phút ngày 15 tháng 6 năm 2025.

b. Các báo giá nhận được sau thời gian nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá.

Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế của Trung

tâm Y tế Tuy Hòa và trạm Y tế năm 2026. ( chi tiết đính kèm phụ lục )

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:

+ Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Trung tâm Y tế Tuy Hòa, 273 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Báo giá bao gồm tất cả các chi phí về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, chạy thử và bảo quản thiết bị y tế đến tại Kho của Trung tâm Y tế Tuy Hòa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 07 ngày từ ngày Trung tâm Y tế Tuy Hòa yêu cầu.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: Không

- Thời hạn thanh toán hợp đồng: 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật.

5. Các thông tin khác: (Nếu có)

- (Chi tiết Yêu cầu báo giá theo Biểu mẫu đính kèm). *VT*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk (b/c);
- Lưu: VT, Dược.



*Lê Huỳnh Linh*

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC MUA SẮM HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ**  
**CHO TRUNG TÂM Y TẾ TUY HÒA VÀ TRẠM Y TẾ NĂM 2026**

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
I	<b>THIẾT BỊ Y TẾ</b>				
1	Phim X-quang y tế dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma 2 ( 8x10 inch (20x25)cm)	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc CE - Thành phần chính : Polyethylene terephthalate 80 - 90%; Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer 1 - 5%; Docosanoic acid, silver (+1) salt 1 - 5%; Cellulose, acetate butanoate < 5%. - Được dùng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro Sigma2. - Bao gói: Màng nhôm.	Tờ	5.000	
2	Phim X-Quang y tế dùng cho máy in phim laser Trimax ( 8x10 inch (20x25)cm)	- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc CE - Thành phần chính bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axit docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate. - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax ( 8x10 inch ( 20x25) cm	Tờ	9.000	
3	Phim X-quang nha khoa	Kích thước 3x 4cm sử dụng cho máy X quang nha khoa BLUEX, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tờ	300	
4	Giấy siêu âm	Kích thước 110mm x 20m sử dụng cho máy siêu âm màu ECUBE 9	Cuộn	50	

*Handwritten signature*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
5	Khăn lót chống thấm	Kích thước 40 x 60cm, Gồm 3 lớp: Lớp trên là chất liệu cho chất lỏng thấm qua; lớp dưới bằng màng nhựa chống thấm xuống mặt giường, nệm; lớp giữa là gel siêu thấm.	Miếng	900	
6	Kim chích máu	Chất liệu thép không rỉ, đầu kim sắc nhọn. Tiết trùng từng chiếc. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	9.500	
7	Kim lấy thuốc	Các số 18-20, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	63.400	
8	Kim cánh bướm	Kích cỡ kim số 23G, 25G, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	80	
9	Kim khâu da	Số 8x20 đầu tam giác, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cây	80	
10	Kim châm cứu số 4	Kích thước 0,25 đến 0,3x40mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cây	73.500	
11	Kim châm cứu số 6	Kích thước 0,3 x 75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cây	5.000	
12	Kim đầu bằng (kim cây chỉ)	Kích cỡ: 0,3 x 45mm, vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cây	60.000	
13	Bơm tiêm 5cc	Bơm tiêm nhựa liền kim 5ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	6.200	
14	Dao mổ các số	Từ số 10 tới số 15, dao sắc, chất liệu bằng thép cacbon, tiết trùng, đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	120	
15	Đầu col trắng	Thể tích 10 ul	Cái	24.000	
16	Đầu col xanh	Thể tích 1000ul	Cái	13.000	
18	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 2/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	1.350	
19	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm 4/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, kim phủ silicon, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	80	
20	Chỉ Polyglactin 910 số 2/0, kim tròn	Dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	10	
21	Chỉ nylon số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 2/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8C, dài 26 mm. kim bằng thép không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	180	

*Van*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
22	Chỉ nylon số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 3/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8C, chiều dài kim từ 20 mm đến 26 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	350	
23	Chỉ nylon số 4/0 kim tam giác	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi, làm từ Polyamide (Nylon) số 4/0, sợi chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8C, dài 18 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Tép	280	
24	Lam kính nhám	Kích thước 25.4mm x 76.2 mm, độ mỏng 1-1,2 mm. Hộp 72 cái.	Hộp	15	
25	Lamen	Kích thước 22mm x 22mm. Chất liệu thủy tinh trong suốt. Hộp 100 cái	Hộp	2	
26	Ống nghiệm EDTA K2	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13x 75mm, dung tích máu: 2.0 ml có vạch định mức. Có nắp. Hộp 100 ống. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Ống	6.000	
27	Ống nghiệm heparin	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, có nắp. Quy cách: 100 ống/ hộp.	Ống	10.800	
28	Ống Nghiệm Nhựa 5ml	Ống nghiệm nhựa P/P hoặc P/S, thể tích 5ml, có nắp, có nhãn, vô trùng.	Ống	20.000	
29	Ống nghiệm Chimigly	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, có nắp. Chứa hóa chất kháng đông Edta và NaF, Dùng trong xét nghiệm đường (duy trì đường huyết không thay đổi trong vòng 36 - 48 giờ sau khi lấy máu) và các xét nghiệm sinh hóa trừ Na+. Quy cách: 100 ống/ hộp.	ống	4.000	
30	Lọ nhựa đựng mẫu bệnh phẩm	Thể tích: 50ml, 55ml. Chất liệu: nhựa PP hoặc PS chính phẩm, có nhãn nắp vặn. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Lọ	17.500	
31	Bông thấm nước	Bì 1Kg. Thành phần sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	kg	100	
32	Băng keo cá nhân	Hộp 100 miếng. Kích thước rộng 2cm $\pm$ 0,1 cm, dài 6cm $\pm$ 0,15 cm. Phủ keo Acrylic hoặc oxit kẽm. Tiệt trùng từng cái	Miếng	83.000	
33	Băng keo lụa	Kích thước 2,5cm x 5m. Vải lụa Cellulose acetate. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	370	

Tên

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
34	Băng keo lụa	Kích thước 1,25cm x 5m. Vải lụa Cellulose acetate. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	450	
35	Băng keo chỉ nhiệt	Băng chỉ thị tiết trùng nhiệt độ thấp dạng cuộn dài 50m, rộng 12mm. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	60	
36	Băng bột bó xương	Kích thước 10cm x 270cm. Tiết trùng từng gói. Bột liền gạc	Cuộn	100	
37	Băng thun y tế 3 móc	Kích thước 10cm x 3m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	900	
38	Băng y tế	Kích thước 7cm x 2,5m. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cuộn	2.500	
39	Gạc y tế vô trùng	Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng, Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Miếng	4.200	
40	Gạc y tế	Gạc mét y tế khổ 0,8m	Mét	320	
41	Dây Oxy 2 nhánh người lớn	Các cỡ cho người lớn. Dây dẫn chính có chiều dài 2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Sợi	50	
42	Dây Oxy 2 nhánh sơ sinh, trẻ em	Các cỡ cho sơ sinh, trẻ em. Dây dẫn chính có chiều dài 2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Sợi	50	
43	Mask thở oxy người lớn có túi	Gồm: túi hơi dùng dự trữ oxy kết nối với ống lõi được mở an toàn, mặt nạ có dây đeo an toàn, kẹp mũi giúp điều chỉnh được size M, L, XL tương ứng cho người lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	5	
44	Ống thông tiểu 1 nhánh	Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Sợi	5	
45	Ống thông tiểu 2 nhánh	Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Cái	10	
46	Ống thông hậu môn	Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Sợi	60	
47	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp 50 Cái, Độ bền cao, độ đàn hồi tốt, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	26.000	
48	Găng tay dài (sản khoa) chống dính	Găng tay sản khoa các loại, các cỡ. Chất liệu cao su (latex) tự nhiên. Độ dài $\geq 450$ mm. Tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Đôi	20	



Thư

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
49	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Chất liệu cao su, tiệt trùng, có bột, các số 7; 7,5; 8. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Đôi	2.000	
50	Găng tay khám, có bột	Size S, M, L. Găng tay cao su y tế có bột. Hộp 50 đôi. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Đôi	39.000	
51	Đè lưới gỗ	Hộp 100 cái. Kích thước 150mm x 20mm x 2mm ± 0,5mm. Tiệt trùng.	Cái	13.000	
52	Mũ giấy y tế	1 cái/gói	Cái	200	
53	Nhiệt kế thủy ngân	Đo nhiệt độ cơ thể	Chiếc	10	
54	Nẹp vải cẳng tay các số	Nẹp cẳng tay dài trái, phải các số	Bộ	10	
55	Nẹp vải cẳng chân các số	Nẹp cẳng chân ngắn các số	Bộ	10	
56	Tăm bông tiệt trùng lấy dịch âm đạo	Độ dài que 15cm. đường kính 5mm Làm từ 100% gòn tự nhiên. Gói gồm 100 que	Que	300	
57	Vòng tránh thai	Kích thước chiều rộng 32± 0.50 mm; chiều dài: 36± 0.50 mm, được làm từ hợp chất của nhựa Polyethylene và Barium Sulphate.		300	
58	Máy đo đường huyết	Lưu được 500 kết quả cùng ngày giờ; Khoảng giới hạn đo: 0.6 mmol/l -33.3 mmol/l;	Cái	5	
59	Micropipette	Micropipette dòng 1 kênh điều chỉnh thể tích dải 0.5 -10 µl microlit. Dụng cụ hút mẫu cơ với chức năng tip ejection và tự chọn calibration. Phù hợp để hấp tiệt trùng bằng hơi nước lên đến 121 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương.	Cái	1	
60	Micropipette	Micropipette dòng 1 kênh điều chỉnh thể tích dải 10 - 100µl microlit. Dụng cụ hút mẫu cơ với chức năng tip ejection và tự chọn calibration. , Phù hợp để hấp tiệt trùng bằng hơi nước lên đến 121 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương.	Cái	1	

7/2017

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
61	Micropipette	Micropipette dòng 1 kênh điều chỉnh thể tích dải 100 - 1000 $\mu$ l microlit. Dụng cụ hút mẫu cơ với chức năng tip ejection và tự chọn calibration. Phù hợp để hấp tiệt trùng bằng hơi nước lên đến 121 độ C. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE hoặc tương đương.	Cái	1	
62	Hộp tròn	Làm bằng chất liệu Inox $\phi$ 7.5 x 6 cm	Cái	25	
63	Khay Chữ nhật	Làm bằng chất liệu Inox kích thước 20x30cm	Cái	20	
64	Ống cắm pen	Làm bằng chất liệu Inox $\phi$ 5x14 (cm)	Cái	20	
65	Pen y tế thẳng có mẫu	Làm bằng chất liệu Inox 18cm	Cái	25	
66	Hộp chữ nhật	Làm bằng chất liệu Inox kích thước ( dài x rộng x cao ) 18x9x4cm	Cái	20	
67	Khẩu trang N95	Gồm 5 lớp vật liệu kháng khuẩn, Độ bền cao, độ đàn hồi tốt, Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	300	
68	Hộp hấp bông tròn	Làm bằng chất liệu Inox $\phi$ 22 x 16 cm	Cái	10	
69	Hộp đựng kim tiêm ( vật sắt nhọn )	Chất liệu giấy Duplex được tráng một lớp màng nhựa mỏng dung tích 2 lít	Cái	10	
70	Máy cưa rung y tế cắt bột thạch cao	Dùng để cắt bột bó thạch cao. Thông số kỹ thuật máy cắt bột y tế. Tốc độ vòng quay: 12750-17250 lần / phút, Kích thước: 260 * 60 * 53mm, Trọng lượng: 1.7 kg	Cái	1	
71	Đèn đọc phim X quang	Đèn đọc phim x quang loại 2 phim, Kích thước: 836 x 500 x 25 mm, vùng quan sát: 721x420 mm, kích thước phim tối đa: 17x14 inch (355.6 x 431.8 mm), Nguồn sáng: Đèn SMD LED.	Cái	5	
72	Kiểm tách bột thạch cao	Dùng để cắt và tháo bó bột thạch cao sau khi điều trị xương khớp. Chất liệu thép không gỉ cao cấp, kích thước từ 26-30cm	Cái	1	
73	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Dùng để cân Trọng lượng cơ thể: Max: 120kg, Min: 0.5kg, Phạm vi đo 70-190cm, Min: 0,5 cm, Dung sai $\pm$ 0.5cm	Cái	12	
74	Máy đo huyết áp điện tử	Giới hạn đo: Huyết áp: Từ 0 đến 299 mmHg Nhịp tim: Từ 40 đến 180 nhịp/phút Độ chính xác: Huyết áp: $\pm$ 3 mmHg Nhịp tim: $\pm$ 5 % Cơ chế hoạt động: Tự động bơm xả khí và đo giao động	Cái	20	

*Thư*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
75	Huyết áp kế người lớn	Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300 mmHg, Độ chính xác $\pm 3$ mmHg, Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao, Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao, Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá, Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không) Bộ sản phẩm gồm: - Đồng hồ - Ống nghe - Bộ van - Bo huyết áp - Vòng bít	Cái	18	
76	Đầu huyết áp cơ nhi	Yêu cầu cấu hình: Bao đo huyết áp kích cỡ nhi: 01 cái, Đồng hồ đo : 01 cái, Quả bóp kèm van xả : 01 cái, Túi đựng: 01 cái. Yêu cầu kỹ thuật: Khoảng đo : 20 ~ 300mmHg với điểm giá trị bắt đầu từ 0, Độ chính xác : $\pm 3$ mm.Hg. Hệ thống đo : Vòng bít	Cái	5	
77	Kim nha khoa dài	27G 0,4 x 21 mm	Cái	100	
78	Kim nha khoa ngắn	27G 0,4 x 30-35 mm	Cái	200	
79	Bộ tháo vòng	Bộ tháo vòng gồm: Móc tháo vòng chất liệu thép không gỉ chiều dài 25 cm: 01 cái, Kiểm tháo vòng đầu tù 25cm: 01 cái, Pen nhọn cong: 01 cái.	Bộ	1	
80	Bộ khám phụ khoa	Bộ khám phụ khoa gồm: Mỏ vịt dẹp trung inox: 01 cái, Pen nhọn inox kích thước 22cm có khóa: 01 cái ,Hộp chữ nhật nhôm inox kích thước (32 x 16cm): 01 cái.	Bộ	5	
81	Bộ đặt vòng	Bộ đặt vòng gồm: Mỏ vịt dẹp trung inox: 01 cái ,Kẹp cổ tử cung inox kích thước 25 cm: 01 cái ,Thước đo tử cung chất liệu đồng F52 dài 3,8cm, rộng 3,7cm và dày 2,7cm.: 01 cái .Pen đầu tù chất liệu Inox kích. Kéo đầu tù chất liệu Inox kích thước 21cm: 01 cái thước 26cm: 01 cái .Hộp chữ nhật inox sâu có nắp (32 x 18cm): 01 cái	Bộ	4	
82	Khay hạt đậu	Làm bằng chất liệu Inox dung tích 300 ml	Cái	35	
83	Khay Chữ nhật	Làm bằng chất liệu Inox kích thước 20x30cm	Cái	30	

Tên

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
84	Máy Doppler tim thai	Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương. Cấu hình bao gồm: Máy doppler tim thai: 01 cái, Túi đựng: 01 cái-Pin 1.5V AA: 02 cái-Gel 60ml: 01 cái,Hướng dẫn sử dụng: 01 cái. Thông số kỹ thuật:.,Máy gọn nhẹ-Đầu dò doppler có độ nhạy cao (2MHz),Thiết kế máy khoa học-Màn hình lớn và âm thanh rõ,Sử dụng dễ dàng,Tiêu thụ ít năng lượng-,hời gian sử dụng dài: sử dụng liên tục trong 6 giờ,Màn hình: LCD. Hiển thị pin yếu. Hiển thị chất lượng tín hiệu-Dải nhịp tim: 50~240 nhịp/phút,Độ chính xác: $\pm 2\%$ - Tần số siêu âm: 2MHz,Độ nhạy siêu âm: $< 10\text{mW/cm}^2$ -Công suất loa: 1.2W (loa phóng thanh có sẵn),Đầu ra Audio cho tai nghe-Tự động tắt sigma: 1 phút,Tự động tắt nguồn: 5 phút,Nguồn năng lượng: 2 pin Alkaline AA 1.5V-Giao diện PC: Sound card-Thời gian hoạt động của pin: 360 phút		7	
85	Túi cứu thương y tế	Kích thước 40x30x22cm, dẻo dai bền sợi, chịu được mài mòn, ít tác động của nhiệt độ, không nhăn, ít bám bụi và dễ vệ sinh bảo quản, hạn chế thấm nước.	Cái	5	
86	Xe lăn	Chiều sâu ghế: 42cm Chiều rộng ghế: 49cm Chiều cao từ vị trí ngồi đến hết lưng ghế: 37cm Chiều cao từ vị trí ngồi đến tay cầm: 29cm Chiều cao từ mặt đất đến vị trí để tay: 76cm Chiều cao từ đất đến chỗ để chân: 15cm Chiều cao từ chỗ để chân đến chỗ ngồi: 37cm	Cái	6	
87	Băng ca cứu thương	Kích thước băng ca: 185 x 52 x 7 cm - Kích thước sau khi gấp lại: 93 x 52 x 9 cm - Tải trọng: 159 kg	Cái	1	
88	Băng ca xe đẩy bệnh nhân	Kích thước: 195 ( dài) x 55 (rộng) x 88 ( cao), Làm bằng chất liệu Inox	Cái	2	
89	Nhiệt ẩm kế tự ghi	Phạm vi đo nhiệt độ: $-40^{\circ}\text{C} \sim 85^{\circ}\text{C}$ Độ chính xác $\pm 0.5^{\circ}\text{C}$ ( $-20^{\circ}\text{C} \sim 40^{\circ}\text{C}$ , $\pm 0.1^{\circ}\text{C}$ ) Phạm vi đo độ ẩm: 10% ~ 99%	Cái	1	
90	Bảng đo thị lực chữ	Khoảng cách đọc: 5m AC: 220V; 0,2A Bảng chữ hoặc bảng hình Lỗ treo tường, chân để bàn, giá đỡ Dây nguồn: 2m Vỏ đèn bằng inox Nhãn hiệu TNE khắc nổi	Cái	6	

T  
ING  
Y T  
IY H  
★

Ten

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
91	Nồi hấp ước dụng cụ	- Sử dụng hơi bão hòa để tiệt trùng, dùng trong các bệnh viện, trung tâm chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trạm y tế, phòng khám, nhà máy, nghiên cứu... để tiệt trùng các dụng cụ, thiết bị y tế, quần áo phẫu thuật, dung dịch.. - Thiết kế nhỏ gọn, an toàn . Có thể di chuyển dễ dàng - Toàn bộ được cấu tạo từ thép không gỉ - Đồng hồ đo áp suất 2 dải đo - Van an toàn, van và đồng hồ xả áp. Khi áp suất hơi quá 0.165Mpa, mở xả đảm bảo an toàn, kiểm tra qua đồng hồ hiển thị nhiệt độ áp suất. - Dễ vận hành, an toàn và đáng tin cậy *Thông số kỹ thuật: - Dung tích: 18 lít - Kích thước buồng hấp: Ø280 x 260 mm - Dải áp suất làm việc: 0.14 – 0.16 Mpa - Nhiệt độ làm việc: 126 độ C - Áp suất tối đa: 0.165Mpa - Nguồn điện: AC220V, 50Hz/2Kw *Cung cấp bao gồm: 01 Máy chính 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng	cái	2	
92	Máy điện châm	Phụ trợ dò tìm huyết trên cơ thể người - Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở - Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - ≥ 55Hz và bề rộng của bước sóng từ 0,6ms - Nguồn đầu vào: ≤ 20 VA. - ≥ 6 kênh đầu ra - Điều chỉnh cường độ xung - Chức năng hẹn giờ: Từ 0~60 phút± 10%	cái	14	
<b>II HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM</b>					
93	Nước rửa phim X quang	Bộ gồm: Thuốc rửa phim hiện hình - Auto Developer Thuốc rửa phim hãm hình - Auto Fixer. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Bộ	2	
94	Chai dung dịch nhuộm vi sinh (Bộ nhuộm Gram)	Bộ/(4 chai 100 ml) đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet , Lugol , Decolor (alcohol-acetone) và Safranin.	Bộ	1	
95	Bộ nhuộm Ziehl-Neelsen	Bộ (3 chai x 100 ml ) đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbo Fuchsin , Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylen Blue .	Bộ	15	

1H  
TÂM  
A

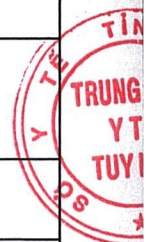
Tien

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
96	Cloramin B 25%	Thùng 25 kg. Bột đóng thùng.	Kg	285	
97	Dung dịch Lugol 3%	Thành phần Iod, Kali Iodid. Chai 500ml	Chai	10	
98	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine 0,5%, Ethanol. Chai 500ml	Chai	250	
99	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (kl/tt), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Tương thích với các dụng cụ y khoa. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương Can 5 lít + test thử.	Can	6	
100	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99,9% trong suốt, không màu	lít	130	
101	Dầu Paraffil	Chai 500ml. Thành phần: parafin lỏng, không màu trong suốt. Không mùi, không vị và là chất lỏng dưới dạng dầu.	Lít	10	
102	Acid Acetic 3%	Chai 500ml	Chai	10	
103	Nước cất 2 lần	Nước cất 2 lần, Can 10 lít	Lít	30	
104	Gel siêu âm	Bình 5 lít. Dùng trong siêu âm chẩn đoán hình ảnh	Lít	170	
105	Parafin sáp	Bao 50 kg. Parafin được tìm thấy chủ yếu trong dạng chất rắn, dạng sáp màu trắng, không mùi, không vị, điểm nóng chảy 47-65 độ C	Kg	50	
106	Dầu soi kính hiển vi	Được sử dụng khi soi bằng kính hiển vi quang học để tăng độ phân giải của hình ảnh. Là loại dầu trong suốt và có chỉ số khúc xạ cao	ml	100	
<b>NHÓM HÓA CHẤT MÁY PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC PKL PPC 610H</b>					
107	Dung dịch pha loãng	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy phân tích huyết học PKL PPC 610H	ml	200.000	
108	Dung dịch rửa	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy phân tích huyết học PKL PPC 610H	ml	100.000	
109	Dung dịch phá hồng cầu	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy phân tích huyết học PKL PPC 610H	ml	5.000	
110	Dung dịch rửa kim	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy phân tích huyết học PKL PPC 610H	ml	1.200	
111	Chất kiểm soát huyết học dùng cho máy huyết học tự động 3 thành phần	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy phân tích huyết học PKL PPC 610H	ml	72	

BẮC LÝ

*Handwritten signature*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
<b>NHÓM HÓA CHẤT MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA BÁN TỰ ĐỘNG PKL-PPC110</b>					
112	Hóa chất để định lượng nồng độ Glucose trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	4.000	
113	Hóa chất để định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	3.000	
114	Hóa chất để định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	3.000	
115	Hóa chất để định lượng GOT trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	2.500	
116	Hóa chất để định lượng GPT trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	2.500	
117	Hóa chất để định lượng Ure trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	2.500	
118	Hóa chất để định lượng uric acid trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	500	
119	Hóa chất để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết thanh và huyết tương	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, có Standard kèm theo, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	2.500	
120	Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương, Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động PKL-PPC 110	ml	150	
<b>Nhóm Hóa chất sử dụng cho máy huyết học Celltas Nihon- Kohden</b>					
121	Dung dịch pha loãng hồng cầu 3 hoặc tương đương	Tương thích với máy huyết học Celltas Nihon- Kohden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	ml	280.000	



*Handwritten signature or mark.*

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
122	Dung dịch rửa thường xuyên Cleanac hoặc tương đương	Tương thích với máy huyết học Celltas Nihon- Kohden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	ml	20.000	
123	Dung dịch ly giải hồng cầu hoặc tương đương	Tương thích với máy huyết học Celltas Nihon- Kohden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	ml	4.000	
124	Dung dịch rửa thường xuyên Cleanac 3 hoặc tương đương	Tương thích với máy huyết học Celltas Nihon- Kohden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	ml	5.000	
125	Chất kiểm soát huyết học dùng cho máy huyết học tự động 3 thành phần	Tương thích với máy huyết học Celltas Nihon- Kohden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	ml	72	
126	XN nhanh chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. Độ nhạy: > 99% - Độ đặc hiệu: 99,75%. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương	Test	1.400	
127	Test nhanh phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng virus Dengue	Phát hiện sốt xuất huyết trong huyết thanh và huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương	Test	80	
128	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán sớm sốt xuất huyết (DENGUE NS1 Ag)	Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết tương, huyết thanh, hoặc máu toàn phần của người. Đạt tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương	Test	700	
129	Que thử đường huyết	Tương thích với máy thử đường huyết Accu-Check Active. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Que	9.000	
130	Que thử nước tiểu 10 thông số	Tương thích với máy Mission U120 Urine Analyzer. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Que	6.000	
131	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C thể hệ 3 (HCV)	Test xét nghiệm phát hiện sự hiện diện của kháng thể viêm gan C trên mẫu huyết thanh/huyết tương. Thời gian 10 phút. Độ nhạy: 99.76%. Độ đặc hiệu: 99,59%.	Test	900	

1 H  
TÂM  
Ế  
10A

Thư

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số Lượng	Ghi chú
132	Test thử chất gây nghiện 5 chỉ số hoặc tương đương	Phát hiện định tính 5 chất gây nghiện trong nước tiểu Morphine/Codein/Heroin/Amphetamine/Marijuana. Ngưỡng phát hiện: AMP: 500 ng/mL ; THC: 50 ng/mL, MOP: 300ng/mL, CODEIN: 300ng/mL. HEROIN: 10ng/mL - Độ nhạy: $\geq 99,9\%$ ; - Độ đặc hiệu: $\geq 99,9\%$ ; - Độ chính xác: $\geq 99,9\%$ - Tiêu chuẩn: ISO hoặc tương đương	Test	24.000	
133	Anti A	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A. Lọ 10 ml	Lọ	5	
134	Anti B	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B. Lọ 10 ml	Lọ	5	
135	Anti AB	Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB. Lọ 10 ml	Lọ	5	
136	Test nhanh chẩn đoán HIV	Phát hiện định tính kháng thể HIV 1 Và HIV 2 trong máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.	Test	1.000	
<b>Tổng cộng: 136 khoản</b>					

D  
A  
K  
L  
A  
K

Tuan

## BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Tuy Hòa

Trên cơ sở Yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Tuy Hòa, chúng tôi...*[ghi tên, địa chỉ của Công ty, nhà cung cấp, tham gia báo giá (gọi chung là Nhà thầu) Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế của Trung tâm Y tế Tuy Hòa và trạm Y tế năm 2026 như sau:*

### 1. Báo giá Mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế của Trung tâm Y tế Tuy Hòa và trạm Y tế năm 2026.

STT	Danh mục hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
3											
4											
5											
n	...										

*(Ghi chú: gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại mục a khoản 4 Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin trên là trung thực.

..., Ngày ..... tháng ..... năm 2026

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*(ký tên, đóng dấu(nếu có))*